

Số: 99/KL-UBND

Krông Pa, ngày 22 tháng 9 năm 2020

KẾT LUẬN THANH TRA

Thu chi tài chính, quản lý mua sắm tài sản công và áp dụng các khoản thu tại Trạm nước Sinh hoạt huyện

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số: 287/QĐ-UBND Về việc Thành lập Đoàn thanh tra tại Trạm nước Sinh hoạt huyện; Xét báo cáo kết quả thanh tra số: 09/BC-ĐTTr, ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Đoàn thanh tra huyện,

Chủ tịch UBND huyện Krông Pa Kết luận như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình:

Trạm nước Sinh hoạt huyện được thành lập tại Quyết định số: 70/QĐ-UBND ngày 01/9/1991 của UBND huyện Krông Pa. Là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc sự quản lý của UBND huyện Krông Pa; tổ chức thực hiện theo các quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Là một đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo kinh phí hoạt động 100%. Với chức năng, nhiệm vụ lắp đặt, quản lý hệ thống đường ống và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn huyện; góp phần nâng cao đời sống của nhân dân, tạo thuận lợi cho nhân dân có nước sinh hoạt hàng ngày để bảo vệ sức khỏe, giảm nguy cơ bệnh tật.

Thực trạng của đơn vị hiện tại có 21 Công chức, Viên chức. Trong đó 01 Trưởng trạm, 02 Phó Trưởng trạm, 01 Kế toán, 01 Thủ quỹ và 16 công nhân. Về trình độ chuyên môn: 06 đại học, 13 trung cấp, 01 sơ cấp, 01 chưa qua đào tạo.

II. Kết quả thanh tra:

1. Hoạt động thu, chi tài chính từ năm 2015 đến ngày 31/5/2020:

Trạm nước sinh hoạt huyện, quá trình hoạt động đã mở 02 tài khoản tiền gửi gồm: Số TK 3712.3.9034989.00000 mở tại Kho bạc huyện Krông Pa và TK 5007201000519 mở tại Ngân hàng NN-PTNT huyện Krông Pa. Qua kiểm tra đối chiếu quyết toán thể hiện cụ thể như sau:

1.1. Tổng thu tài chính từ năm 2015 đến ngày 31/5/2020 như sau:

ĐVT: đồng

T	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	31/5/2020
T	Tổng thu	4.080.385.367	5.493.927.871	5.597.567.003	5.917.003.239	6.257.960.038	2.958.432.026
1	Thu kết dư năm trước chuyển sang	69.231.811	328.598.345	399.701.131	628.618.060	358.296.918	264.543.893
2	Thu tiền sử dụng nước của khách hàng	3.268.195.356	4.036.428.426	3.881.888.072	4.727.547.566	5.166.968.370	2.435.529.333
3	Thu tiền lắp đặt mới	434.000.000	497.000.000	330.920.000	423.473.213	333.200.000	91.000.000
4	Thu sửa chữa, thay thế	1.128.000	6.300.000	31.059.600	27.930.000	32.489.000	24.189.000
5	Thu ngân sách huyện hỗ trợ	64.300.000	419.698.000	768.235.000	12.360.000	238.708.000	109.000.000

6	Thu tiền thay mới đồng hồ nước do hết chu kỳ kiểm định	232.703.200	161.960.000	152.065.600	79.414.000	81.325.100	25.850.000
7	Thu khác	10.827.000	43.943.100	33.697.600	17.660.400	46.972.650	8.319.800

1.2. Tổng chi tài chính từ năm 2015 đến ngày 31/5/2020 như sau:

TT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	31/5/2020
	Tổng chi (theo báo cáo quyết toán hàng năm)	3.751.787.422	5.094.226.740	4.968.948.943	5.558.706.321	5.993.416.145	2.202.381.115
	Tồn	328.597.945	399.701.131	628.618.060	358.296.918	264.543.893	756.050.911

1.2.1. Trong đó, trích lập các quỹ tại đơn vị theo qui định:

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	31/5/2020
Quỹ hoạt động phát triển	377.388.884	325.073.447	218.511.145	120.303.918	31.373.869	60.036.104
Quỹ phúc lợi	131.331.331	113.125.559	119.744.107	115.491.761	30.118.914	57.634.660
Quỹ thu nhập tăng thêm	996.306.652	860.794.486	534.915.282	244.938.777	64.002.692	122.473.653
Quỹ ổn định thu nhập	4.528.667	1.300.294	874.045	481.216	0	0
Tổng cộng	1.509.555.534	1.300.293.786	874.044.579	481.215.672	125.495.475	240.144.417

1.2.2. Thực hiện chi các quỹ được trích lập:

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	31/5/2020
Chi hoạt động phát triển	319.753.000	318.291.000	227.740.000	88.337.813	18.049.500	2.880.000
Chi phúc lợi	122.436.000	111.600.000	142.388.650	101.200.000	102.700.000	47.900.000
Chi thu nhập tăng thêm	808.000.000	799.300.000	575.000.000	262.000.000	102.833.000	63.000.000
Tổng cộng	1.250.189.000	1.229.191.000	945.128.650	451.537.813	223.582.500	113.780.000

1.2.3. Cân đối tồn các quỹ trích lập:

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	31/05/2020	Tổng cộng
Quỹ hoạt động phát triển	57.635.884	6.782.447	-9.228.855	31.966.105	13.324.369	57.156.104	157.636.054
Quỹ phúc lợi	8.895.331	1.525.559	-22.644.543	14.291.761	-72.581.086	9.734.660	-60.778.318
Quỹ thu nhập tăng thêm	188.306.652	61.494.486	-40.084.718	-17.061.223	-38.830.308	59.473.653	213.298.542
Quỹ ổn định thu nhập	4.528.667	1.300.294	874.045	481.216	0	0	7.184.222
Tổng cộng	259.366.534	71.102.786	-71.084.071	29.677.859	-98.087.025	126.364.417	317.340.500

2. Về việc lập và trình phương án giá nước:

Ngày 20/10/2014 Trạm nước sinh hoạt huyện có Tờ trình số 35/TTr-TNSH về việc xin điều chỉnh giá bán nước sinh hoạt; ngày 05/11/2014 UBND huyện ban hành Thông báo số 250/TB-UBND về việc điều chỉnh giá bán nước sinh hoạt. Nội dung cụ thể:

Mục đích sử dụng nước	Lượng nước sử dụng/tháng	Đơn giá
Sinh hoạt các hộ dân, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, sản xuất, kinh doanh dịch vụ.	Mức từ 1m ³ – 10m ³ đầu tiên	4.550đ/m ³
	Từ trên 10 m ³ – 30m ³	5.460đ/m ³
	Trên 30m ³	6.825đ/m ³

Từ năm 2016 đến năm 2019 Trạm nước sinh hoạt huyện đã lập phương án giá nước sinh hoạt gửi Phòng TC-KH huyện, UBND huyện. Tuy nhiên, đến nay chưa được UBND huyện thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt phương án giá nước và ban hành giá nước; (trong đó: Năm 2016: Trạm nước sinh hoạt trình phương án giá nước tại Tờ trình số 33/TTr-TNSH ngày 07/6/2016, Tờ trình số 75/TTr-TNSH ngày 14/11/2016; năm 2017: tại Tờ trình số 44/TTr-TNSH ngày 25/7/2017; năm 2018: Tờ trình số 16/TTr-TNSH ngày 02/3/2018; năm 2019: Tờ trình số 38/TTr-TN ngày 27/5/2019);

3. Đánh giá nhận xét hoạt động thu chi tài chính từ năm 2015 đến ngày 31/5/2020:

3.1. Phần ưu điểm:

Qua kết quả làm việc, cũng như thăm dò các ý kiến của viên chức tại đơn vị UBND huyện nhận thấy: Tập thể đơn vị từ Lãnh đạo cho đến Viên chức trong đơn vị luôn đoàn kết nội bộ; từng viên chức trong đơn vị có trách nhiệm cao trong chuyên môn được đơn vị phân công, hoàn thành tốt nhiệm vụ giao được thể hiện qua kết quả đánh giá nhận xét cuối năm của từng viên chức.

Riêng bộ phận tài chính kế toán, hàng năm đã kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo đơn vị ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và tham mưu quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công của năm đảm bảo đúng qui định.

Hồ sơ mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thiết bị đơn vị đã thể hiện đầy đủ các thủ tục như: báo giá, hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng, hóa đơn, chứng từ đảm bảo đúng nguyên tắc; sắp xếp chứng từ, sổ sách gọn gàng, khoa học, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

3.2. Phần nhược điểm:

Song song với những kết quả đã đạt được; trong công tác lãnh đạo điều hành chuyên môn vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục cụ thể như:

Sử dụng của một số hợp đồng mua bán không đúng mẫu theo quy định như: các hợp đồng mua bột xử lý nước (PAC) không thể hiện các điều khoản, quyền và nghĩa vụ của các bên để ràng buộc trách nhiệm.

Từ năm 2015 đến nay Trạm nước sinh hoạt huyện chưa xây dựng phương án thu tiền lắp đặt hệ thống nước (đăng ký lắp đặt mới của hộ gia đình) để trình UBND huyện xin ý kiến, qua các năm đơn vị tự lập ra mức giá để áp dụng thu 1.400.000đ/hộ lắp đặt mới (bao gồm: thu khấu hao đường ống 200.000đ, thu chi phí vật tư và thuế GTGT là 1.200.000đ).

Hàng năm tỷ lệ thoát thoát nước quá cao (trên 40% theo báo cáo của đơn vị) nhưng chưa có giải pháp để kịp thời khắc phục cụ thể: năm 2015 = 362.694 m³; năm 2016 = 340.731m³; năm 2017 = 413.084m³; năm 2018 = 498.587m³; năm 2019 = 594.435m³; đến 31/5/2020 = 294.611 m³; hoạt động sản xuất, cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho dân có lúc không ổn định, chất lượng nước có thời điểm chưa đảm bảo, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sức khỏe của người dân.

4. Một số sai phạm của đơn vị:

4.1. Về thu tiền đăng ký lắp đặt mới:

Qua thanh tra xác định, hàng năm Trạm nước Sinh hoạt huyện đã ký hợp đồng cung cấp nước (cho những hộ đăng ký mới) và yêu cầu hộ dân ký hợp đồng với đơn vị lắp đặt hệ thống nước giá thành là 1.400.000đ/hộ gồm (thu tiền vật tư, đồng hồ đo nước, thuế GTGT: 1.200.000đ và thu tiền khấu hao đường ống: 200.000đ) trái quy định với số tiền **2.109.593.213đ. trong đó:**

- **Thu tiền vật tư, thuế GTGT: 1.814.593.213đ. cụ thể:**

- + Năm 2015: 372.000.000đ
- + Năm 2016: 426.000.000đ
- + Năm 2017: 283.720.000đ
- + Năm 2018: 369.273.213đ
- + Năm 2019: 285.600.000đ
- + Đến 31/5/2020: 78.000.000đ.

- **Thu khấu hao đường ống: 295.000.000đ. gồm:**

- + Năm 2015: 62.000.000đ
- + Năm 2016: 71.000.000đ
- + Năm 2017: 47.200.000đ
- + Năm 2018: 54.200.000đ
- + Năm 2019: 47.600.000đ
- + Đến 31/5/2020: 13.000.000đ.

- Căn cứ tại khoản 3, Điều 42, Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ. Quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch “*Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối với các khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước. Trùng hợp đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối đã được xác định thì chi phí vật tư, lắp đặt từ điểm đầu nối đến điểm lắp đặt đồng hồ do khách hàng sử dụng nước chi trả sau khi đã có thỏa thuận với đơn vị cấp nước*”.

- Căn cứ Thông tư số: 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ thì: “*Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối tại các hộ tiêu thụ bao gồm cả đồng hồ đo nước trong vùng phục vụ đã được xác định, chi phí đầu nối được tính vào chi phí đầu tư mạng lưới và được phân bổ vào giá nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt*”.

- Căn cứ Thông tư số: 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 và Thông tư số: 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước. Quy định “*Mọi tài sản cố định của đơn vị sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ đều phải tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định*”.

Như vậy, theo các qui định được viện dẫn trên. Đơn vị Trạm nước Sinh hoạt huyện áp dụng mức thu 1.200.000đ của những hộ đăng ký lắp đặt mới (Vật tư, đồng hồ đo nước và khấu hao đường ống) là sai quy định.

Tuy nhiên, qua đối chiếu và kiểm tra phương án tạm thu giá nước từ năm 2014 cho đến nay được UBND huyện chấp thuận, đơn vị không áp dụng tính “*Chi*

phí đầu nối được tính vào chi phí đầu tư mạng lưới và được phân bổ vào giá nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt". Qua giải trình của Lãnh đạo Trạm nước Sinh hoạt huyện, là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự chủ hoàn toàn về tài chính, biên chế, hơn nữa đơn vị không hoạch toán các chi phí mua vật tư thiết bị để tính vào giá thành nước cung cấp theo quy định, cho nên phải áp dụng thu riêng từng hộ đăng ký mới, để đảm bảo nguồn thu tái sản xuất của đơn vị; riêng khoản thu 200.000đ/1 hộ đồng, nội dung thu khấu hao đường ống, đơn vị xác định với Đoàn thanh tra khoản thu này là sai, không đúng.

4.2. Về thu tiền thay mới đồng hồ đo nước:

Qua kiểm tra từ năm 2015 cho đến nay, Trạm nước sinh hoạt huyện đã áp dụng thu tiền thay mới đồng hồ đo nước của khách hàng với số lượng là: 1.513 chiếc, thành tiền là: **733.317.900đ**, bao gồm:

+ Năm 2015: 232.703.200đ

+ Năm 2016: 161.960.000đ

+ Năm 2017: 152.065.600đ

+ Năm 2018: 79.414.000đ

+ Năm 2019: 81.325.100đ

+ Năm 2020: từ ngày 01 tháng 01 đến 31/5/2020: 25.850.000đ.

- Căn cứ Thông tư số: 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ thì: *"Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối tại các hộ tiêu thụ bao gồm cả đồng hồ đo nước trong vùng phục vụ đã được xác định, chi phí đầu nối được tính vào chi phí đầu tư mạng lưới và được phân bổ vào giá nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt"*.

Phát sinh nguồn thu này với lý do: Một số đồng hồ đo nước của chủ hộ bị hư hỏng, hoặc theo qui định đồng hồ đo nước sử dụng đã lâu quá 5 năm do hết chu kỳ kiểm định buộc phải thay mới; Lãnh đạo đơn vị giải trình, hộ gia đình đã bỏ tiền ra mua (*tiền hợp đồng lắp đặt mới đồng hồ đo nước*) cho nên các đồng hồ đo nước thuộc quyền bảo quản, quản lý của chủ hộ; do vậy việc hư hỏng, thay mới là do chủ hộ chịu chi phí. (*Trường hợp khoản thu này tương tự như khoản thu được phân tích tại mục 4.1 ở trên*).

4.3. Về áp dụng xử phạt vi phạm hành chính của đơn vị:

Trong năm 2016 và năm 2017 Trạm nước Sinh hoạt huyện, qua kiểm tra theo dõi việc sử dụng nước của hộ gia đình, đã phát hiện có 03 hộ đã vi phạm trong quá trình sử dụng nước như: Làm sai lệch chỉ số đồng hồ đo nước; tự ý đầu nối đường ống cấp nước sử dụng không qua đồng hồ đo nước; đơn vị đã lập biên bản vi phạm hành chính đồng thời ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối với chủ hộ vi phạm cụ thể như sau:

Áp dụng xử phạt 03 cá nhân với số tiền là: 13.119.214đ (*trong đó năm 2016: 02 cá nhân đã nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị số tiền là: 8.472.000đ; năm 2017: 01 cá nhân nhưng không chấp hành nộp phạt số tiền là: 4.647.214đ*).

- Căn cứ Khoản 2 Điều 83, Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012 quy định *"Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước"*.

- Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính.

- Căn cứ Điều 60, Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở, quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Đoàn thanh tra xác định Trạm trưởng, Trạm nước Sinh hoạt huyện không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp khách hàng vi phạm trong sử dụng nước thì đơn vị lập Biên bản vi phạm hành chính đồng thời tham mưu UBND huyện quyết định xử phạt theo thẩm quyền.

Do vậy, việc áp dụng xử phạt và thu tiền xử phạt vi phạm hành chính của Trạm nước Sinh hoạt huyện là trái quy định, cho nên xuất toán thu hồi khoản thu này nộp ngân sách nhà nước.

4.4. Việc thu tiền khóa, mở nước:

- Ngày 14/8/2016 Trạm nước Sinh hoạt huyện ban hành Thông báo số: 01/TB-TN. Về việc thu tiền nước tại điểm tập trung. Nội dung: Địa điểm tại nhà ông Thế-TDP14, Bưu điện Văn hóa xã Phú Cần và nhà cô lịch, đường Quang Trung-thị trấn Phú Túc; thời gian: sáng từ 7h đến 11h, chiều 13h30' đến 17h. Nếu sau ngày 25/8/2016 khách hàng chưa thanh toán tiền nước thì đơn vị sẽ tạm ngừng cung cấp nước và khi mở lại nước phải nộp 200.000đ tiền mở lại nước.

- Ngày 23/2/2017 UBND huyện ban hành Công văn số: 145/UBND-NC và công văn số: 202/UBND-NC ngày 13/3/2017. Về việc yêu cầu Trạm nước sinh hoạt huyện báo cáo giải trình một số thông tin liên quan đến hoạt động của đơn vị.

- Ngày 03/3/2017 Trạm nước sinh hoạt huyện có báo cáo giải trình số 12/BC-TBSH và báo cáo giải trình số 11/BC-TBSH ngày 16/3/2017. Nội dung: tạm cắt nước, giữ lưu bộ do khách hàng vi phạm hợp đồng (*không thanh toán tiền nước hoặc thanh toán chậm*) thu 200.000đ/lần khóa và mở nước.

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán từ năm 2015 đến ngày 31/5/2020 Trạm nước sinh hoạt huyện đã thu tiền khóa, mở nước tổng số tiền **90.010.000đ**, bao gồm:

a) Mức thu: 30.000đ và 50.000đ/lần khóa và mở nước, số tiền 72.910.000đ cụ thể như sau:

- + Năm 2015: 2.500.000đ
- + Năm 2016: 21.100.000đ
- + Năm 2017: 11.950.000đ
- + Năm 2018: 14.450.000đ
- + Năm 2019: 15.070.000đ
- + Đến 31/5/2020: 7.840.000đ.

b) Mức thu: 100.000đ và 200.000đ/lần khóa và mở nước số tiền là 17.100.000đ cụ thể như sau:

- + Năm 2016: 2.000.000đ
- + Năm 2017: 15.100.000đ.

Căn cứ tại điểm a, khoản 2, Điều 45, Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch quy định tạm ngừng, ngừng dịch vụ cấp nước “*Đối với khách hàng sử dụng nước là hộ gia đình sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt:*

- *Đơn vị cấp nước có thể ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đầu nối nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 5 tuần kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc ngừng dịch vụ cấp nước;*

- *Nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán do có lý do khách quan đã được thông báo trước cho đơn vị cấp nước về những lý do trên thì việc ngừng dịch vụ cấp nước sẽ được thực hiện sau 10 tuần kể từ khi có thông báo về việc ngừng dịch vụ cấp nước”.*

Căn cứ tại khoản 2, Điều 48, Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch quy định tạm ngừng, ngừng dịch vụ cấp nước. Quy định “*Khách hàng sử dụng nước chậm trả tiền nước quá 1 tháng so với thời hạn thanh toán được quy định trong Hợp đồng dịch vụ cấp nước thì phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho đơn vị cấp nước”.*

Trên cơ sở các căn cứ được quy định nêu trên, Trạm nước sinh hoạt huyện đã thu tiền khóa, mở nước từ 30.000đ đến 50.000đ/lần khóa, mở; đây là một biện pháp, chế tài nhằm để buộc khách hàng phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nước cho đơn vị; do vậy việc áp dụng mức thu này là phù hợp, đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đơn vị thực hiện các qui trình và thời gian thông báo, đóng mở nước cho khách hàng chưa đảm bảo theo các quy định được nêu trên.

Riêng mức thu khóa và mở nước từ 100.000đ đến 200.000đ/lần khóa mở là quá cao, không phù hợp với tình hình thực tế. Sau khi đơn vị áp dụng mức thu này, hộ gia đình, khách hàng sử dụng nước đã phản ứng gay gắt cho nên từ năm 2018 đến nay đơn vị đã chấm dứt việc áp dụng mức thu này. Do vậy UBND huyện không thu hồi số tiền trên.

***Tổng số tiền sai phạm từ năm 2015 đến ngày 31 tháng 5 năm 2020 là: 303.472.000đ (Ba trăm lẻ ba triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng) bao gồm:**

- Thu xử phạt vi phạm hành chính trái quy định: 8.472.000đ;
- Thu tiền khấu hao đường ống trái quy định: 295.000.000đ.

Riêng khoản thu tiền lắp đặt mới (vật tư, thuế GTGT), thu tiền thay mới đồng hồ nước, đơn vị thu sai theo quy định tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch quy định và Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay giá nước đang áp dụng giá tạm tính theo Thông báo số 250/TB-UBND ngày 05/11/2014 của UBND huyện; Trong phương án giá nước lập chưa tính chi phí đầu nối đồng hồ nước; chi phí thay mới đồng hồ nước. Do vậy UBND huyện không thu hồi số tiền trên.

5. Mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công của đơn vị:

Qua kiểm tra tại đơn vị, hàng năm Trạm nước sinh hoạt huyện thực hiện mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức,

chế độ theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 và Thông tư số 107/2017/TT- BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Qua thống kê báo cáo hàng năm, hiện tại đơn vị có 72 loại tài sản đang sử dụng đúng theo quy định.

Trên cơ sở kết quả thanh tra, kiểm tra tại hồ sơ, chứng từ sổ sách, quyết toán kinh phí của đơn vị và căn cứ vào các quy định của pháp luật. UBND huyện kết luận cụ thể như sau.

IV. Kết luận:

1. Các căn cứ pháp lý để áp dụng:

- Luật ngân sách năm 2015;
- Luật Kế toán năm 2015;
- Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ. Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Thông tư số: 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ;
- Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của đơn vị.

2. Kết luận:

2.1. Xuất toán thu hồi số tiền sai phạm nộp vào ngân sách huyện 303.472.000đ, bao gồm:

- Tiền thu xử phạt vi phạm hành chính trái quy định: 8.472.000đ;
- Tiền thu khấu hao đường ống trái quy định: 295.000.000đ.

2.2. Về phương án giá nước của Trạm nước sinh hoạt huyện:

Hiện nay, Trạm nước sinh hoạt huyện đang áp dụng thu giá nước tạm tính theo Thông báo số: 250/TB-UBND ngày 05/11/2014 của UBND huyện là chưa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ “*giá nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt*”. UBND huyện yêu cầu Trạm nước sinh hoạt huyện tiến hành lập ngay phương án giá nước và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng quy định để áp dụng thu.

2.3. Áp dụng các khoản thu của đơn vị:

Qua thanh tra từ năm 2015 đến ngày 31/5/2020 Trạm nước sinh hoạt huyện đã thực hiện thu tiền lắp đặt mới, thu tiền thay mới đồng hồ, thu khấu hao đường ống sai theo quy định tại khoản 3, Điều 42, Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch quy định và Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007.

Yêu cầu Trạm nước sinh hoạt huyện tạm dừng ngay việc thu tiền đăng ký lắp đặt mới và thay mới đồng hồ đo nước đối với (hộ) khách hàng đăng ký phát sinh.

2.4. Về áp dụng xử phạt hành chính:

Yêu cầu Trạm nước sinh hoạt huyện chấm dứt ngay việc áp dụng xử phạt hành chính đối với các hộ vi phạm trong sử dụng nước vì: Trạm nước sinh hoạt huyện không có thẩm quyền xử phạt hành chính; đơn vị chỉ lập Biên bản vi phạm và thực hiện theo trình tự thủ tục để tham mưu UBND huyện quyết định.

IV. Các biện pháp xử lý:

1. Văn phòng HĐND-UBND huyện:

Giao nhiệm vụ tham mưu UBND huyện văn bản chỉ đạo cơ quan chức năng lập phương án cho phép xã hội hóa đơn vị Trạm nước sinh hoạt huyện vì: Công tác quản lý hàng năm thất thoát lượng nước quá cao; hàng năm không có đóng góp kinh phí cho ngân sách huyện, ngược lại ngân sách huyện cũng phải cân đối xuất chi cho đơn vị.

2. Đối với Trạm nước sinh hoạt huyện:

- Yên cầu Trạm trưởng Trạm nước sinh hoạt huyện và các cá nhân có liên quan, kiểm điểm tại đơn vị, rút kinh nghiệm vì để xảy ra các sai phạm nêu trên, đồng thời khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế đã phân tích ở phần trên của kết luận.

- Đề nghị Trạm nước sinh hoạt huyện chấm dứt việc áp dụng các khoản thu trái quy định của pháp luật đã được nêu ở trên.

- Đề nghị Trạm nước sinh hoạt huyện xây dựng và trình phương án giá nước đảm bảo đúng theo quy định.

- Đề nghị Trạm nước sinh hoạt huyện trình phương án thu tiền giá nước sinh hoạt để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo luật định.

3. Đối với Thanh tra huyện:

- Tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi tiền sai phạm nộp vào ngân sách huyện là **303.472.000đ** (Qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện số TK: 3949.0.1069676.00000 tại Kho bạc huyện Krông Pa).

- Giao thanh tra huyện có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi việc thực hiện kết luận này và báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả thực hiện.

Trên đây là Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về thanh tra thu chi tài chính, quản lý mua sắm tài sản công và áp dụng các khoản thu của Trạm nước sinh hoạt huyện./.

Nơi nhận:

- Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- Chủ tịch UBND huyện;
- UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Trạm nước SH huyện;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Handwritten signature in blue ink.

Tô Văn Chánh